TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-PT
Ngày: 29-3-2024

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Trần Quốc Khánh

*Các Thẩm phán:*Ông Nguyễn Thiện Tâm

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 177/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn C, Lê Thanh H, Nguyễn Chí L và Nguyễn Thanh H1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2023/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đình T, Sinh năm: 1990; Nơi đăng ký HKTT: Số G, Tổ E, ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nơi ở hiện nay (trước khi bị khởi tố): Số G, Tổ E, ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình H2 và bà Mai Thị X; A, em ruột có 02 người; Vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1986; Có 01 người con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

2. **Nguyễn Văn C**, Sinh năm: 1995; Nơi đăng ký HKTT: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay (trước khi khởi tố): ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị N; A, em ruột có 03 người; Vợ: Nguyễn Ngọc Lam T2, sinh năm: 1998; Con có 01 người sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. **Lê Thanh H**, Sinh năm: 1996; Nơi đăng ký HKTT: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay (trước khi bị khởi tố): ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh H3 và bà Hồ Thị Y; Em ruột có 02 người; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Nguyễn Anh T3 – Văn phòng luật sư Nguyễn Anh T3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L (có mặt).

4. **Nguyễn Chí L**, Sinh năm: 2001; Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay (trước khi bị khởi tố): ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị N; A, em ruột có 03 người; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. **Nguyễn Thanh H1**, Sinh năm: 1995; Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở hiện nay (nơi tạm trú trước khi bị khởi tố): Số B, Khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H4; Anh, em ruột có 03người; Vợ Lưu Thị L1, sinh năm 2000 (đang mang thai); Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Tiền sự: Ngày 22/4/2021, bị TAND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng. Chấp hành xong ngày 29/4/2022.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Các bị cáo bị kháng nghị:*

1. Phạm Văn C1, Sinh năm: 1987

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 27, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay (nơi tạm trú trước khi bị bắt): ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H5 và bà Đặng Thị C2; A, chị ruột có 05 người; Vợ: Nguyễn Thị Y1, sinh năm: 1986; Con có 02 người: Lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2023 đến 16/01/2023 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Long An.(Có mặt)

2. Lư Trần Quốc B1, Sinh năm: 1985

Nơi đăng ký HKTT: ấp C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay (nơi tạm trú trước khi bị bắt): Khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lư Văn B2 (đã chết) và bà Trần Thị Kim C3; Anh ruột có 01 người; Vợ: Đào Kiều T4, sinh năm: 1988; Con có 03 người: Lớn sinh 2008, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2023 đến 16/01/2023 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt).

3. Thạch Thanh L2, Sinh năm: 1993,

Nơi đăng ký HKTT: ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở hiện nay (nơi tạm trú trước khi bị bắt): Khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Khơ Me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch Sà R và bà Đào Thị T5 ; A, chị ruột có 03 người; Vợ: Không rõ; Có 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/5/2023 đến 30/5/2023 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt).

4. Nguyễn Văn C4, Sinh năm: 1985

Nơi đăng ký HKTT: ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay (nơi tạm trú trước khi bị bắt): ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L3; Anh, em ruột có 02 người; Vợ Bàn Thị N1, sinh năm 1978, có 01 con sinh 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Ngày 17/01/2020, bị Công an thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 1.500.000đ về hành vi "Đánh bạc". (Quyết định xử phạt hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 17/02/2020 của Công an huyện P, tỉnh Bạc Liêu, đã đóng tiền phạt).

Bị can bị tạm giữ từ ngày 08/01/2023 đến 16/01/2023 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Long An.

5. Lâm Minh C5, Sinh năm: 2000

Nơi đăng ký HKTT: ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở hiện nay (nơi tạm trú trước khi bị bắt): Khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương..

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Đ và bà Liêu Thị Kim T6; Chị ruột có 03 người; Chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/9/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Long An (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

Các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị:

1. Nguyễn Minh V, Sinh năm: 1997.

Nơi đăng ký HKTT: số 110 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Ngày 28/11/2023 bị cáo Nguyễn Minh V rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm. Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2024/HSPT-QĐ ngày 02/01/2024 đối với bị cáo V.

2. Nguyễn Minh H6, Sinh năm: 1993

Nơi đăng ký HKTT: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay (trước khi bị khởi tố): ấp T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị T7; A, em ruột có 02 người; Vợ Phạm Thị Kim T8, sinh năm 1996, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh 2020.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

3. Nguyễn Văn R1;

4. Phạm Văn N2 (T);

5. Trần Văn C6;

- *Bị hại*: Công ty TNHH MTV Q (gọi tắt là Công ty Q)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Huỳnh Thị T9; Ông Nguyễn Văn B4; Ông Phạm Văn T10; Bà Nguyễn Thị Y1 (Người đại diện theo ủy quyền của bà Y1: Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ B, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp); Bà Bàn Thị N1; Bà Đào Kiều T4; Ông Đào Quốc H7; Ông Đoàn Ngọc H8; Bà Nguyễn Huỳnh T11.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn C1 khai nhận, do trước đó C1 từng đến Công ty Q tham gia trộm phân với một số đối tượng khác nên biết rõ vị trí các kho phân trong công ty. Bị cáo C1 bàn bạc với các bị cáo Nguyễn Văn R1, Nguyễn Minh V, Nguyễn Văn C4, Lư Trần Quốc B5, Nguyễn Đình T và Thạch Thanh L2 là bạn bè quen biết ngoài xã hội của C1, tổ chức đi trộm phân của Công ty Q. Qua điều tra xác minh được các bị cáo tổ chức 4 vụ trộm phân của Công ty Q, với cùng một phương thức, thủ đoạn. Các bị cáo bàn bạc với nhau lợi dụng đêm tối để đột nhập vào kho phân của Công ty Q bằng cách trèo qua hàng rào. Các bị cáo chuẩn bị công cụ là kìm cộng lực, ống điếu để mở ốc vít và cắt hàng rào kẽm gai, cắt khóa. Bị cáo Phạm Văn C1 là người trực tiếp gọi điện cho Nguyễn Văn B4 để thuê xe chở phân đi bán. Phạm Văn C1 là người trực tiếp liên hệ với bà Huỳnh Thị T9, chủ của hàng phân bón để bán phân cho bà T9. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 17/9/2022, C1 rủ V, R1, C4, T, B5, L2, N2 cùng đi trộm phân bón tại Công ty Q, tất cả đồng ý. N2 mang theo một ống điếu cỡ 8mm, C1 thuê xe ô tô của B4 chở hàng. V rủ thêm H1 và Lâm Minh C5, N2 rủ thêm Trần Văn C6 (là cha vợ N2) cùng đi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, cả nhóm tụ tập

tại một quán cà phê gần cầu Đ, huyện Đ. Đến hơn 22 giờ cùng ngày, C1 điều khiển xe mô tô Dream biển số 62F7-9202 chở theo Cững, B5 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển số 60Z4-0162 chở theo R1, V điều khiển xe mô tô Wave biển số 29X8-9946 chở H1, Lâm Minh C5 điều khiển xe mô tô tay ga màu trắng, không rõ biển số chở L2, cùng với T (không nhớ rõ đi cùng ai) chia nhau đi theo Quốc lộ N về hướng huyện T. Trên đường đi đến gần cầu B thuộc huyện T, tỉnh Long An thì C1 hẹn B4 để C4 cùng đi chung xe ô tô tải với B4 và kêu B4 chờ ở một quán nước cạnh Quốc lộ N, cách Công ty Q khoảng 7km. Khi nhóm C1 đến vị trí cách Công ty Q khoảng 300m thì rẽ trái (theo hướng đi) vào đậu xe phía sau các cống xi măng để cất giấu. Sau đó, đi qua bên kia đường theo đường đất đến bờ tường của Công ty Q. N2 điều khiển xe mô tô biển số 61N9- 5999 chở theo Có đi đến quán nước gần Công ty Q đợi nhóm người của C1. Sau đó, cả nhóm gặp mặt tại bờ tường kẽm gai của Công ty, lúc này hơn 00 giờ ngày 18/9/2022, N2 tháo lưới kẽm gai để C1 cùng những người khác leo tường vào bên trong, bên ngoài còn lại R1, V, L2. Sau khi vào bên trong, N2 mở ốc vít vách tole để những người khác chui vào. Sau khi vào trong, C1 đỡ cho T và những người khác vác tổng cộng 160 bao phân loại Ammonium Chloride (mỗi bao 50kg) ra vách tole để C5 chuyền ra cho H1, B5, N2, C6 vác ra cho R1, V, L2 đứng ngoài chất xuống đất. Sau khi lấy được số phân, N2 vặn ốc vách tole và kéo lưới rào kẽm gai về vị trí cũ. C1 và những người trong nhóm vác phân đến điểm tập kết. Đến khoảng 02 giờ ngày 18/9/2022, C1 liên lạc cho B4 chạy xe ô tô tải đến để cả nhóm vác phân lên xe. Sau đó, C1 đi cùng B4 về huyện Đ, những người khác đi xe mô tô về. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày, C1 bán phân bón trộm được cho bà Huỳnh Thị T9 được 40.000.000đ. C1 trả cho B4 3.500.000đ tiền thuê xe; trả tiền công bốc vác tại cửa hàng 500.000đ. Sau đó, C1 chia tiền cho R1, T và B5 mỗi người 1.200.000đ; C4, N2 và V mỗi người 1.500.000đ; C1 đưa cho V để V đưa cho L2, C5 và H1 mỗi người 1.500.000đ; C1 đưa cho N2 để N2 đưa cho C6 1.500.000đ; C1 còn lại khoảng 15.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 106/KL-HĐĐGTS ngày 30/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 160 bao phân bón hiệu Ammonium Chloride, mỗi bao 50kg, tổng khối lượng 08 tấn nêu trên của Công ty Q, trị giá 60.400.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 16/10/2022, C1 rủ V, R1, T, B5, L2, N2, Nguyễn Minh H6 (em rể C1) cùng đi, tất cả đồng ý. N2 mang theo một ống điếu cỡ 8mm. C1 thuê xe ô tô của B4 chở hàng. V rủ thêm anh ruột là Nguyễn Văn C; em ruột là Nguyễn Chí L; N2 rủ thêm C6 cùng đi. Cả nhóm tụ tập tại một quán cà phê gần cầu Đ, đến hơn 22 giờ cùng ngày, C1 điều khiển xe mô tô biển số 62F7-9202, B5 điều khiển xe mô tô biển số 60Z4-0162 chở R1, V điều khiển xe mô tô biển

số 29X8-9946, L2 điều khiển xe mô tô tay ga màu trắng không rõ biển số, C điều khiển xe mô tô biển số 67N1- 157.41 chở L, cùng với T và H6 (không nhớ đi cùng ai) đi theo Quốc lộ N về huyện T. N2 điều khiển xe mô tô biển số 61N9-5999 chở C6 đi đến quán nước cách Công ty Q khoảng 7km đợi nhóm của C1. Sau khi gặp nhau, cả nhóm đi về huyện T, khi cách Công ty Q khoảng 300m thì cất giấu xe. Sau đó, cả nhóm gặp nhau tại bờ tường kẽm gai của Công ty, lúc này khoảng hơn 00 giờ ngày 17/10/2022. N2 và B5 tháo lưới kẽm để C1 cùng những người khác vào bên trong Công ty, bên ngoài còn lại R1 đứng đợi đỡ và vác phân. N2 mở ốc vít vách tole nhà kho để những người khác chui vào. Sau khi vào được nhà kho, C1 tìm loại phân có giá trị cao để trộm. C1 đỡ cho V, L, H6, N2, T vác tổng cộng 140 bao phân U Cà Mau (mỗi bao 50kg) ra đến vách tole rồi chuyền ra bên ngoài cho C, L2, Bình đỡ, vác ra cho R1 đứng bên ngoài chất xuống đất. Khi phân được chuyển hết qua hàng rào, Ngọc vặn lại ốc vách tole, kéo hàng rào kẽm gai về vị trí cũ. Có và những người trong nhóm thay nhau vác phân ra điểm tập kết. Đến khoảng 02 giờ ngày 17/10/2022, C1 liên lạc cho B4 chạy xe ô tô tải đến để cả nhóm cùng vác phân lên xe. Sau đó, C1 lên xe ô tô tải cùng B4 về hướng huyện Đ. Khoảng 7 giờ 00 cùng ngày, C1 bán cho bà T9 140 bao phân Ure C, được 72.800.000đ. C1 trả cho B4 3.500.000đ tiền thuê xe; trả tiền công bóc vác 500.000đ. Sau đó, C1 chia cho R1 5.000.000đ, B5 5.000.000đ, Liêm 5.000.000đ, H6 3.000.000đ, T 3.000.000đ, N2 1.500.000đ; C1 đưa N2 để N2 đưa cho C6 3.000.000đ; C1 đưa tiền cho V 3.000.000đ, đưa cho V để V đưa cho C 2.000.000đ và L 1.500.000đ; C1 còn lại khoảng 50.000.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐGTS ngày 30/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 140 bao phân bón hiệu Ure Cà Mau, mỗi bao có 50kg, tổng khối lượng 07 tấn nêu trên của Công ty Q, trị giá: 109.200.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 13/11/2022, C1 cùng V, R1, T, B5, L2, N2. N2 mang theo một ống điếu cỡ 8mm. C1 thuê xe ô tô của B4 chở hàng. V rủ thêm Nguyễn Văn C, L, H; N2 rủ thêm Có; L2 rủ thêm một người thanh niên tên G (không rõ nhân nhân), tất cả đồng ý. Cả nhóm tụ tập tại một quán cà phê gần cầu Đ. Hơn 22 giờ 30 cùng ngày, C1 điều khiển xe mô tô biển số 62F7-9202, B5 điều khiển xe mô tô biển số 60Z4-0162, V điều khiển xe mô tô biển số 29X8-9946, G điều khiển xe mô tô tay ga màu trắng không rõ biển số chở theo L2, C điều khiển xe mô tô biển số 67N1- 157.41 chở L, H điều khiển xe mô tô biển số 67B1-77.893, cùng với T và R1 (không nhớ rõ đi cùng ai). N2 điều khiển xe mô tô biển số: 61N9-5999 chở C6 đi đến quán nước cách Công ty Q khoảng 7km đợi nhóm của C1. Sau đó, cả nhóm đến vị trí cách Công ty Q khoảng 300m cất giấu xe. Sau đó, đi qua bên kia đường đến bờ tường của Công ty Q, lúc này khoảng hơn 00 giờ ngày 14/11/2022. Sau đó, C1 cùng cả nhóm leo tường đột nhập vào bên trong

Công ty, bên ngoài còn lại R1 đứng đợi đỡ và vác phân. Sau khi vào bên trong, N2 mở ốc vít vách tole nhà kho để những người khác chui vào bên trong. Sau khi vào trong, C1 đi tìm loại phân có giá trị cao để trộm thì thấy có camera nên leo lên xà ngang của nhà khó đến bẻ camera quay hướng khác. Sau đó, C1 đỡ cho V, L, C, N2, T, B5 vác tổng cộng 150 bao phân DAP Đình Vũ xanh (mỗi bao 50kg) ra vách tole rồi chuyền ra bên ngoài cho L2, G, H chuyển ra cho R1 đứng bên ngoài chất xuống đất. Sau đó C1 bẻ camera lại vị trí cũ, rồi cùng những người khác leo ra ngoài. Ngọc vặn lại ốc vách tole, ra sau và kéo hàng rào kẽm gai về vị trí cũ. Có và những người trong nhóm thay phiên nhau vác phân đến điểm tập kết tại bãi đất trống cách khoảng 20m. Đến khoảng 02 giờ ngày 14/11/2022, C1 liên lạc cho B4 chạy xe ô tô tải đến, cả nhóm cùng vác chất phân lên xe. Sau đó, C1 đi cùng B4 về huyện Đ. Đến khoảng hơn 7 giờ 00 cùng ngày, C1 bán cho cửa hàng phân bón của bà T9 lấy 102.000.000đ. C1 trả cho B4 3.500.000đ tiền thuê xe; trả tiền công bóc vác 500.000đ. Sau đó, C1 chia cho B5 5.000.000đ, Rừng 5.000.000đ, T 3.000.000đ, N2 1.500.000đ, Có 3.000.000đ, V 3.000.000đ, L2 và Gà 6.000.000đ (mỗi người 3.000.000đ); C1 đưa cho V để V đưa cho H và L mỗi người 1.500.000đ và C 2.000.000đ, C1 còn lại khoảng 60.000.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐGTS ngày 30/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 150 bao phân bón hiệu DAP Đình Vũ xanh, mỗi bao có 50kg, tổng khối lượng 7.5 tấn nêu trên của Công ty Q, trị giá: 157.500.000 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 04/12/2022, C1 liên lạc rủ cả nhóm V, R1, T, B5, L2, N2 đi trộm như các lần trước. Sau đó, C1 thuê xe ô tô tải biển số 62C – 145.74 của Nguyễn Văn B4, để vận chuyển phân. L2 rủ thêm một người tên H5 (không rõ nhân thân) đi cùng. V rủ thêm anh ruột là Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh H1, Lê Thanh H cùng đi. Khi đi, C mang theo một cây kìm cộng lực. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, cả nhóm gặp nhau tại một quán cà phê gần nhà trọ C1 trên địa bàn xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Tại đây, C1 kêu B5 và N2 về nhà trọ C1 lấy theo một ống điếu cỡ 8mm để tháo ốc vít. Đến hơn 22 giờ cùng ngày, C1 điều khiển xe mô tô Dream biển số 62F7-9202 chở R1, B5 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển số 60Z4-0162 đi một mình, T điều khiển xe mô tô Honda Winer biển số 61H1-424.35 chở C4, H điều khiển xe Honda Wave alpha biển số 67B1-77.893 chở C, V điều khiển xe mô tô Wave biển số 29X8-9946 chở H1, N2 điều khiển xe mô tô biển số 61N9- 5999 đi một mình, L2 điều khiển xe mô tô Dream không rõ biển số chở H5 đi từ huyện Đ về T. Khi đến vị trí cách Công ty Q khoảng 300m thì cả nhóm rẽ phải (theo hướng đi) vào bãi đất trống đậu xe sau đám cỏ lau sậy để cất giấu. Sau đó, đi theo đường đất đến bờ tường của Công ty Q. Lúc này, hơn 00 giờ ngày 05/12/2022, N2 leo lên mở hàng rào kẽm

gai phía trên bờ tường dạt sang một bên khoảng 1.5m để những người khác cùng trèo vào trong Công ty. Sau đó, N2 dùng ống điếu mở ốc vít vách tole nhà kho vén sang một khoảng trống khoảng 100cm x 60cm và dùng khối bê tông đè lên để N2, C1, B5, V (mang theo kìm cộng lực) chui vào bên trong nhà kho. Tại đây, có một cánh cửa sắt khóa phía trong nên C1 và V trèo qua lỗ trống vào bên trong, rồi kêu Ngọc đẩy hở cửa ra một đoạn, B5 rọi đèn điện thoại để C1 và V đưa mũi kìm vào cắt ổ khoá ở góc trái gần sàn nhà, C1 đẩy cửa sang một bên khoảng 2m để những người khác vào.

Sau khi vào được bên trong nhà kho, C1 phát hiện có Camera nên bước lên số phân bón, trèo lên xà ngang nhà kho dùng tay bẻ C7 lên hướng trần nhà, C1 thấy loại phân DAP Đình Vũ có giá trị cao nên kêu mọi người vào. C1 đứng ở vị trí để phân đỡ lên cho N2, V, T, H, H1, C, C4 và những người khác vác phân trên Pallet tổng cộng 160 bao phân bón DAP Đình Vũ xanh (mỗi bao khối lượng 50kg) ra ngoài. L2 và H5 đứng bên ngoài vách tole chuyển phân để B5 chuyển qua tường rào, R1 đứng bên ngoài đỡ chất xuống đất. Sau đó, C1 vặn Camera lại vị trí ban đầu, đi ra sau kéo cửa sắt lại, lấy một ổ khóa hư móc vào rồi ra khỏi nhà kho. Lúc này, phân được chuyển hết qua hàng rào, nên C1 leo tường ra ngoài để Ngọc v lại ốc vách tole và kéo hàng rào kẽm gai về vị trí cũ. C1 kêu V dùng kìm cộng lực cắt hàng rào kim loại phía sau nhà nghỉ H10 để chuyển phân ra, sau khi Vương cắt, B5 tháo lưới kim loại được lỗ hổng rộng khoảng 60cm x 60cm. C1 kêu T, N2, C4 vác phân từ bờ tường ra đến lưới rào sắt, C1 đứng tại lỗ trống để đỡ phân cho nhóm người còn lại vác đến điểm tập kết tại bãi đất trống cách hàng rào khoảng 20m. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, C1 điện thoại cho B4 chạy xe ô tô tải đến bãi đất trống để cả nhóm vác phân lên xe. C1 nói với mọi người đợi bán phân lấy tiền chia. C1 lên xe ô tô tải cùng B4 đi về huyện Đ, những người khác đi bộ lại bãi đất lấy xe mô tô đi về. C1 kêu B4 đậu xe ở quán ăn gần Ngã 4 cầu Đ, huyện Đ để nghỉ ngơi, đến sáng mang phân đi bán. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày, C1 mang phân bón đến bán cho cửa hàng phân bón của bà Huỳnh Thị T9 tại Ấp B, xã H, huyện Đ, với giá 680.000đ/01 bao, tổng cộng được 108.800.000đ. C1 trả cho B4 3.500.000đ tiền thuê xe, trả tiền công bốc vác xuống xe 600.000đ. Sau đó, C1 mang tiền về nhà trọ nói với B5 tiền bán phân được khoảng 24.000.000đ. C1 đưa tiền cho B5 chia tiền cho mọi người. B5 chia cho C1, B5, N2, R1, C4 mỗi người 1.900.000đ; C1 đưa cho V 4.000.000đ, V chia cho C, H và H1 mỗi người 500.000đ và giữ lại 2.500.000đ. C1 chia cho T 1.300.000đ; chia cho L2 và bạn L2 tên H5 1.500.000đ (mỗi người 750.000đ); còn lại khoảng hơn 80.000.000đ C1 giữ lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL-HĐĐGTS ngày 07/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T, kết luận: 160 bao phân DAP

Đình Vũ xanh, mỗi bao 50kg, khối lượng 8 tấn nêu trên của Công ty Q giá trị: 138.400.000đ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường sau vụ trộm ngày 05/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ nhãn giấy dán có chữ HIKVISION trên camera của nhà kho phân số 01, Công ty Q để tiến hành giám định. Tại Bản kết luận giám định số 1196/KL-KTHS ngày 20/02/2023 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: "Dấu vân tay phát hiện được trên tờ giấy có chữ HIKVISON với dấu vân tay ngón giữa phải trên Chỉ bản vân tay mười ngón, lập ngày 18/01/2023, tại Công an huyện T, ghi họ và tên Phạm Văn C1, sinh năm 1987, cư trú tại Tổ B, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là do cùng một người để lại.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T thu giữ và xử lý các vật chứng sau:

160 bao phân bón DAP Đình Vũ xanh, mỗi bao có khối lượng 50kg. Ngày 20/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho ông Nguyễn Văn H9 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Q.

01 xe ô tô tải có mui, màu trắng, biển số 62C-145.74; số máy D4DBHJ650378; số khung: 5249HH000118; Số loại: KM8D4DB. Ngày 20/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho ông Nguyễn Văn B4.

01 Điện thoại di động OPPO màu xanh của Phạm Văn C1; 01 điện thoại di động VIVO màu xanh đen của Nguyễn Văn R1; 01 điện thoại di động VIVO màu xanh (V2110) của Nguyễn Văn C4; 01 điện thoại di động iPhone XS Max màu xanh và sim số 0388827514 của Nguyễn Minh V. Do không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho các bị cáo.

01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150 màu đỏ trắng, biển số 60F1 – 968.86; số máy: G3D4E177025; số khung: RLCUG0610FY164127. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu, bà Nguyễn Huỳnh T11.

01 xe mô tô nhãn hiệu Havico Dream, biển số 66H1 – 1913; số máy VLFKV1P50FMG4F408403; số khung VKVDCG043HG108403. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu Nguyễn Thị Y1.

01 xe mô tô Honda Wave alpha màu xanh, biển số 71B2 – 43316; số máy HC09E3016617; số khung RLHHC09024Y316522. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu Bàn Thị N1.

01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 60Z4 – 0162 cùng giấy chứng nhận đăn lý xe, số máy 5C63320439, số khung: RLCS5C630AY320377. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu, bà Đào Kiều T4.

Nhập kho vật chứng đối với các vật chứng: 01 điện thoại di động Nokia màu trắng đen và sim số 0911380421 của Lư Trần Quốc B5; 01 cây kìm cộng lực 2 lưỡi, màu xám, dài khoảng 103 cm; 01 nhãn giấy có kích thước 5,2cm x 1,7cm, trên nhãn giấy có chữ HIKVISION; 01 ổ khoá kim loại có kích thước phần ổ khoá 5cm x 3,8cm x 2cm, trên ổ khoá có chữ Circle; 09 chai nhựa hiệu HT - ONE, mỗi chai cao 21,8cm, đường kính 5,8cm. Trong đó: 01 chai chứa chất lỏng và 08 chai không chứa chất lỏng bên trong; 01 tàn thuốc lá dài 4,7cm, đường kính 0,7cm, trên tàn thuốc có chữ BASTOS; 01 tàn thuốc lá dài 2,5cm, đường kính 0,7cm; 02 ốc vít kim loại, mỗi ốc vít dài 5cm; 01 bật lửa màu tím có kích thước 7,5 cm x 0,8 cm x 2cm; 01 vỏ nhựa trong suốt, loại dùng để đựng các chai nước; 01 túi nhựa chứa các hạt nhỏ màu xanh, dạng hạt phân; 01 đoạn kim loại đường kính 1,3 cm, dài 51,5 cm, hai đầu có vết cắt.

Đối với các xe mô tô biển số 62F7-9202; 61H1-424.35; 67B1-77.893; 67N1- 157.41 mà các bị cáo Phạm Văn C1, Nguyễn Đình T, Lê Thanh H, Nguyễn Văn C sử dụng vào mục đích phạm tội. Sau đó, các bị cáo đã bán các xe mô tô trên cho những người không rõ nhân thân, không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không thu hồi được.

Đối với các xe mô tô không rõ biển số, mà Thạch Thanh L2 dùng làm phương tiện trộm cắp tài sản, do không xác định được thông tin xe và chủ sở hữu nên không có cơ sở xác minh thu hồi.

Riêng hai xe mô mô biển số 29X8-9946 và xe 61N9- 5999 mà Nguyễn Minh V, Phạm Văn N2 sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan CSĐ Công an huyện T xác định do cả hai không phải là chủ sở hữu nên không tiến hành tạm giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố:

1.Về tội danh: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự tuyên bố Phạm Văn C1, Nguyễn Văn R1, Nguyễn Minh V, Lư Trần Quốc B5, Nguyễn Đình T, Thạch Thanh L2, Phạm Văn N2, Nguyễn Văn C, Trần Văn C6, Lê Thanh H và Nguyễn Chí L về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a, điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự tuyên bố Nguyễn Văn C4, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Minh H6 và Lâm Minh C5 về tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị

cáo Phạm Văn C1 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn thi hành án tính từ ngày 08/01/2023.

2.2 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Lư Trần Quốc B5 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2023.

2.3 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Thạch Thanh L2 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2023.

2.4 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R1 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2023.

2.5 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V 7(Bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2023.

(Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phạm Văn C1, Lư Trần Quốc B5, Thạch Thanh L2, Nguyễn Văn R1, Nguyễn Minh V, mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án để đảm bảo quyền kháng cáo, kháng nghị và thi hành án).

2.6 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2, Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.7 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn N2 7 (Bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi thi hành án.

2.8 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.9 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn C6 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.10 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Lê Thanh H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.11 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 04 (bốn)năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.12 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, c khoản 2 Điều 173 BLHS xử phạt Nguyễn Văn C4 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.13 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, c khoản 2 Điều 173 BLHS xử phạt Nguyễn Thanh H1 3 (ba)năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.14 Áp dụng các Điều 17, 38,50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, c khoản 2 Điều 173 BLHS xử phạt Nguyễn Minh H6 2 (hai) năm 6 (sáu)tháng. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.15 Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, c khoản 2 Điều 173 BLHS xử phạt Lâm Minh C5 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, bị cáo Nguyễn Đình T và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023, bị cáo Lê Thanh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thanh H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Nguyễn Chí L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị Bản án số 35/2023/HS-ST ngày 12/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa. Đề nghị sửa một phần Bản án Hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 12/10/2023 theo hướng tuyên buộc các bị cáo Phạm Văn C1, Lư Trần Quốc B5, Thạch Thanh L2 và Lâm Minh C5 phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự tuyên phần trách nhiệm dân sự; sửa phần quyết định của bản án đối với thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Văn C4 và Lâm Minh C5.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, C5, H, L và H1 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng, không oan. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của các bị cáo T, C5, H, L và H1, kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Long An trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo, kháng nghị phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo T, C5, H, L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo H1 tội " Trộm cắp tài sản" điểm a, điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình, cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đồng thời các bị cáo T, C5, H, L và H1 có nhân thân tốt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi vụ án xét xử các bị cáo T, C5, H, L và H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy, ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng, bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết nào khác ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Riêng bị cáo Lê Thanh H có cung cấp được tình tiết cha của bị cáo là người tham gia cách mạng; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo hiện chỉ sống bằng trợ cấp chính sách người có công nhưng xét cũng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, C5, H, L và H1.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo hướng áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An theo hướng tuyên buộc các bị cáo Phạm Văn C1, Lư Trần Quốc B5, Thạch Thanh L2 và Lâm Minh C5 phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật

dân sự; áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự tuyên phần trách nhiệm dân sự, sửa phần quyết định của bản án đối với thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Văn C4 và Lâm Minh C5. Tuyên bị cáo C4 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2023; bị cáo Lâm Minh C5 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2023, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong tuyên tiếp tục giam bị cáo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo H có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng, bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án và được chia tiền hưởng lợi không nhiều để được xem xét theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo T, C5, H, L và H1 kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Phạm Văn C1 cùng bàn bạc với các bị cáo L4 Trần Quốc B5, Nguyễn Minh V, Nguyễn Văn R1, Phạm Văn N2, Nguyễn Đình T, Thạch Thanh L2 tổ chức đi trộm phân bón của Công ty Q. Sau đó các bị cáo rủ thêm Nguyễn Văn C, Trần Văn C6, Lê Thanh H, Nguyễn Chí L, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Minh H6 và Lâm Minh C5. Theo đó, các bị cáo Phạm Văn C1, Lư Trần Quốc B5, Nguyễn Minh V, Nguyễn Văn R1, Phạm Văn N2, Nguyễn Đình T, Thạch Thanh L2 tham gia 04 vụ, tổng giá trị chiếm đoạt là 465.500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn C tham gia 03 lần (vụ thứ 02 ngày 16/10/2022, vụ thứ 3 ngày 13/11/2022, vụ thứ 4 ngày 04/12/2022), tổng giá trị chiếm đoạt là 405.100.000 đồng; Bị cáo Trần Văn C6 tham gia 03 vụ (Vụ thứ nhất ngày 17/9/2022, vụ thứ 2 ngày 16/10/2022, vụ thứ 3 ngày 13/11/2022), tổng giá trị chiếm đoạt là 327.100.000 đồng. Bị cáo Lê Thanh H tham gia 02 vụ (vụ thứ 3 ngày 13/11/2022, vụ thứ 4 ngày 04/12/2022) tổng giá trị chiếm đoạt là 285.900.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Chí L tham gia 02 vụ (vụ thứ 02 ngày 16/10/2022, vụ thứ 3 ngày 13/11/2022), tổng giá trị chiếm đoạt là 266.700.000

đồng. Bị cáo Nguyễn Văn C4, Nguyễn Thanh H1 tham gia 02 vụ (vụ thứ nhất ngày 17/9/2022, vụ thứ 4 ngày 04/12/2022), tổng giá trị chiếm đoạt là 198.800.000 đồng. Nguyễn Minh H6 tham gia 01 vụ lần thứ 2, giá trị chiếm đoạt là 109.200.000 đồng, Lâm Minh C5 tham gia 01 vụ với giá trị chiếm đoạt là 60.400.000 đồng.

Hành vi của các các bị cáo lén lút nhiều lần cắt hàng rào và phá cửa kho để chiếm đoạt tài sản là phân bón của Công ty Q, mỗi lần chiếm đoạt tài sản trên 2.000.000đ. Hành vi đó của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b và s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đồng thời các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 07 năm 6 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn C 07 năm tù, bị cáo Lê Thanh H 04 năm tù, bị cáo Nguyễn Chí L 04 năm tù và bị cáo Nguyễn Thanh H1 03 năm tù là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

3.1 Các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Chí L và Nguyễn Thanh H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác ngoài những tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Hơn nữa, các bị cáo đều phạm tội nhiều lần, giá trị tài sản chiếm đoạt rất lớn nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, C, L và H1 để giảm nhẹ hình phạt và các bị cáo cũng không đủ điều kiện để cho hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên.

3.2 Đối với bị cáo Lê Thanh H kháng cáo có cung cấp được tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Ông ngoại bị cáo là Hồ Thủ Nghĩa là người có công với cách mạng (xác nhận của UBND xã ngày 08/3/2024), gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận ngày 19/10/2023. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự bị cáo mới cung cấp, chưa được cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm cho bị cáo nhưng cũng không thể xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bản án sơ thẩm không tuyên phần nghĩa vụ chậm trả và không ghi áp dụng điều luật của Bộ luật dân sự về trách nhiệm dân sự là thiếu sót. Ngoài ra, án sơ thẩm còn thiếu việc áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự về việc tiếp tục tạm giam các bị cáo C4 và C và tuyên sai về thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo C4 và C. Hơn nữa, bản án sơ thẩm còn ghi sai sót quá nhiều như: Họ và tên của Hội thẩm nhân dân không chính xác; bị cáo tại ngoại lại ghi nhầm thành bị tạm giam; ghi sai tên cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Minh H6; ghi thiếu người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y1; Ghi sai số Cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa… Mặc dù, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa có ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung số 17/2023/TB-TA ngày 08/11/2023. Tuy nhiên, Thông báo này của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa ngày 20/11/2023 là sau ngày Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Kháng nghị và hồ sơ không thể hiện có gửi thông báo này cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Mặt khác, Thông báo sửa chữa, bổ sung số 17/2023/TB-TA ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa cũng chỉ bổ sung việc tiếp tục tạm giam 45 ngày đối với các bị cáo C4 và C nhưng cũng lại tiếp tục có thiếu sót là không ghi thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo C4 và bị cáo C. Một sai sót nữa cần rút kinh nghiệm là việc khởi tố, truy tố và đưa các bị cáo ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản chứ thì phải nhận định "tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là…" nhưng trang 18 của bản án lại nhiều lặp lại cách ghi "tổng giá trị thiệt hại là…" thể hiện sự nhầm lẫn của án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa một phần bản án sơ thẩm như phần quyết định Kháng nghị đã nêu. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong việc phát hành bản án có quá nhiều sai sót, quá cẩu thả dẫn đến phải sửa chữa, bổ sung và khi sửa chữa, bổ sung lại không đầy đủ mà vẫn còn sai sót ngay trong thông báo sửa chữa, bổ sung bản án.

[5] Đối với hành vi của bà Huỳnh Thị T9 là chủ hộ kinh doanh phân bón đã 04 lần mua phân bón của Phạm Văn C1 từ trộm cắp mà có. Quá trình điều tra, lời khai của bà T9 và bị cáo C1 thể hiện C1 không bàn bạc và thỏa thuận trước với bà T9, bà T9 cũng không biết là tài sản do phạm tội trộm cắp tài sản mà có. Bà T9 vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng lời khai của bà T9 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện bà T9 xác định chỉ nghe bị cáo C1 nói là hàng không hóa đơn chứng từ nên mua rẻ để hưởng lợi. Vì vậy, bà T9 biết rõ hàng hóa này là tài sản không hợp pháp nhưng vì mục đích muốn thu lợi bất chính nên 04 lần mua phân bón không rõ nguồn gốc từ bị cáo C1. Cơ quan điều tra Công an huyện T cũng đã chứng minh được tài sản 04 lần C1 bán cho bà T9 là phân bón với số lượng lớn do C1 cùng các đồng phạm trộm cắp mà có. Cấp sơ thẩm không làm rõ để khởi tố, truy tố và xét xử đối với hành vi của bà T9 nhưng do không bị kháng cáo, không bị kháng nghị và là hành vi có dấu hiệu phạm tội khác, độc lập với tội danh của các bị cáo trong vụ án này nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà chỉ cần kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện T tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[6] Đối với hành vi của Nguyễn Văn B4 là người điều khiển xe tải với 04 lần chở phân bón mà các bị cáo trộm được để bán cho bà T9 thì C1 chỉ thuê chở phân và nhận tiền công chuyên chở, không bàn bạc và không biết số phân bón mà các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà có. Lời khai của B4 cho rằng B4 làm không thấy các bị cáo vác phân từ hàng rào ra, không bàn bạc nên cấp sơ thẩm xác định B4 không là đồng phạm với các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa sơ và phúc thẩm, các bị cáo khai nhận do các bị cáo sau khi trộm phân bón của Công ty Q thì vác qua hàng rào của Công ty, sau đó tiếp

tục từ hàng rào Công ty vác ra bãi đất trống (nơi xe của Bảo đậu) và từ bãi đất trống mới tiếp tục vác lên xe của B4 nên B4 không biết, không thấy hành vi vác phân trộm của các bị cáo. Do Nguyễn Văn B4 vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử cũng chưa thể làm rõ được việc vì sao B4 phải tắt đèn xe khi đến điểm nhận phân, việc các bị cáo vác lên phân bón lên xe và có chuyến khi tập kết hàng ra bãi đất trống chưa xong thì xe tải của B4 đã đến bãi đất trống. Tuy nhiên, cũng cần làm hành vi của B4 04 lần chuyên chở phân bón cho bị cáo C1 đi bán dù không đồng phạm với hành vi trộm cắp tài sản nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá về dấu hiệu của hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng do không bị kháng cáo, kháng nghị và là hành vi có dấu hiệu của phạm tội khác, độc lập với tội danh của các bị cáo trong vụ án này nên cần kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện T tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Chí L, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thanh H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo Lê Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận. Các bị cáo Phạm Văn C1, Lư Trần Quốc B5, Thạch Thanh L2, Lâm Minh C5 và Nguyễn Văn C4 có liên quan đến kháng nghị cũng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Chí L, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thanh H1. Giữ y Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An về phần hình phạt đối với các bị cáo T, L, C và H1.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh H, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh H.

Chấp nhận Kháng nghị số 183/QĐ-VKSLA ngày 08/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An về lãi suất phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo Phạm Văn C1, Lư Trần Quốc B5, Thạch Thanh L2, Lâm Minh C5; sửa thời hạn chấp hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Văn C4 và Lâm Minh C5.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Chí L, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh H1 và Lê Thanh H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2, Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, c khoản 2 Điều 173 BLHS xử phạt Nguyễn Thanh H1 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS xử phạt bị cáo Lê Thanh H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, c khoản 2 Điều 173 BLHS xử phạt Nguyễn Văn C4 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/01/2023.

Áp dụng các Điều 17, 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, c khoản 2 Điều 173 BLHS xử phạt Lâm Minh C5 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 18/9/2023.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Phạm Văn C1, Lư Trần Quốc B5, Thạch Thanh L2, Nguyễn Văn C4 và Lâm Minh C5 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

Các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho Công ty Q: Phạm Văn C1 211.700.000 đồng; Lư Trần Quốc B5 11.200.000 đồng; Thạch Thanh L2 9.500.000 đồng; Lâm Minh C5 1.500.000 đồng.

Các bị cáo phải bồi thường cho bà Huỳnh Thị T9: Bị cáo Phạm Văn C1 95.250.000 đồng; Lư Trần Quốc B5 1.900.0000 đồng; Thạch Thanh L2 750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Chí L, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thanh H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo Lê Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Khánh